YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

Nguyễn Thái Quỳnh Như

Tóm tắt: Chuyển đổi số đang tái cấu trúc phương thức quản trị đô thị, tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ công và đời sống xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình này mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức, việc làm, khởi nghiệp và tham gia quản trị cho phụ nữ, đồng thời làm xuất hiện hoặc gia tăng những bất bình đẳng mới liên quan đến khả năng tiếp cận, năng lực sử dụng, an toàn số, dữ liệu và thuật toán. Trên cơ sở tiếp cận bình đẳng giới thực chất, bài viết khái quát nền tảng chính trị, pháp lý và các khái niệm phân tích; nhận diện những kết quả bước đầu, mô hình thực tiễn và khoảng trống trong chuyển đổi số của phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh; từ đó luận giải các yêu cầu trọng tâm hướng tới những điều kiện để chuyển đổi số trở thành động lực thúc đẩy bình đẳng giới, phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ và đóng góp vào phát triển nhanh, bền vững, bao trùm của Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: *Bình đẳng giới; chuyển đổi số; phụ nữ; trí tuệ nhân tạo; quản trị số; Thành phố Hồ Chí Minh.*

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ CÁCH TIẾP CẬN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Đảng ta nhất quán coi bình đẳng giới, phát triển toàn diện phụ nữ và xây dựng đội ngũ cán bộ nữ là nhiệm vụ quan trọng. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đánh giá: "Bình đẳng giới ngày càng thực chất, vai trò và địa vị của phụ nữ ngày càng được cải thiện, nâng lên rõ rệt", đồng thời yêu cầu thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trên tất cả lĩnh vực.1
CEDAW tạo nền tảng pháp lý quốc tế về xóa bỏ phân biệt đối xử; Việt Nam ký Công ước ngày 29-7-1980, phê chuẩn ngày 17-2-1982 và Công ước có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 19-3-1982.2

Luật Bình đẳng giới năm 2006 xác định mục tiêu tiến tới bình đẳng giới thực chất và quy định nam, nữ bình đẳng trong tiếp cận, ứng dụng, đào tạo về khoa học và công nghệ.3 Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 đặt mục tiêu thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng. Đối với Thành phố Hồ Chí Minh, các chương

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, t. I, tr. 310; xem thêm Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, phần về phát triển con người và tiến bộ xã hội.
[2] United Nations Treaty Collection: Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination against Women, tình trạng tham gia của Việt Nam: ký ngày 29-7-1980, phê chuẩn ngày 17-2-1982, có hiệu lực ngày 19-3-1982; dữ liệu truy cập ngày 1-9-2026.
[3] Quốc hội: Luật Bình đẳng giới, Luật số 73/2006/QH11, ngày 29-11-2006, Điều 4 và Điều 15.

trình số phải đồng thời trả lời: phụ nữ có được tiếp cận; có đủ năng lực làm chủ; có quyền tham gia thiết kế, quyết định và thụ hưởng tương xứng hay không.4

Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22-12-2024, của Bộ Chính trị xác định: "Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới".5

Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIV xác định một trong ba khâu đột phá là "chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội". Nếu quan hệ giới không được nhận diện từ khâu thiết kế, công nghệ có thể sao chép, khuếch đại định kiến và làm sâu thêm bất lợi của một số nhóm phụ nữ.6

Về lý luận, chủ nghĩa Mác - Lê-nin chỉ ra rằng, địa vị của phụ nữ gắn với các quan hệ kinh tế, pháp lý và phân công lao động xã hội. Ph. Ăng-ghen viết: "Đặc tính của sự thống trị của người chồng đối với vợ trong gia đình hiện đại, và sự tất yếu phải xác lập sự bình đẳng xã hội thật sự giữa hai bên, cũng như phương thức xác lập sự bình đẳng ấy, chỉ bộc lộ ra hoàn toàn rõ ràng một khi mà cả vợ lẫn chồng đều hoàn toàn bình đẳng trước pháp luật".7 V.I. Lê-nin khẳng định: "Địa vị của phụ nữ về mặt pháp lý là cái tiêu biểu nhất cho trình độ văn minh". Các luận điểm đó gợi mở rằng bình đẳng pháp lý là điều kiện cần, nhưng chưa đủ; bình đẳng phải được hiện thực hóa trong đời sống, trong khả năng tiếp cận nguồn lực và trong quyền tham gia quyết định.8 Tư tưởng Hồ Chí Minh đặt giải phóng phụ nữ trong sự nghiệp giải phóng xã hội. Người nhấn mạnh: "Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa".9 Trong Di chúc, Người yêu cầu Đảng và Chính phủ có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc, giúp đỡ phụ nữ, kể cả trong công việc lãnh đạo, đồng thời khẳng định: "Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ". Tinh thần "kế hoạch thiết thực" có ý nghĩa trực tiếp đối với phát triển năng lực, nghề nghiệp và lãnh đạo số của phụ nữ.10

Khung khái niệm để nhận diện khoảng cách giới trong môi trường số

1.2. Khái niệm cơ bản và khung phân tích

[4] Chính phủ: Nghị quyết số 28/NQ-CP, ngày 3-3-2021, ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, mục I.
[5] Bộ Chính trị: Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22-12-2024, "Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia", mục I, điểm 1; Hệ thống Tư liệu - Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam, đăng ngày 26-12-2024, truy cập ngày 1-9-2026.
[6] Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: Nghị quyết số 02/NQ-BCH, ngày 18-6-2026, Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031, nội dung ba khâu đột phá.
[7] C. Mác và Ph. Ăng-ghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 21, tr. 116.
[8] V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, t. 40, tr. 221.
[9] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 300.
[10] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

Bình đẳng giới thực chất không phải đối xử máy móc nam - nữ như nhau, mà là nam giới và phụ nữ đều bình đẳng về quyền, cơ hội, điều kiện thực hiện quyền, tiếng nói và kết quả thụ hưởng. Phân tích vai trò giới làm rõ ba nhóm công việc sản xuất, tái sản xuất - chăm sóc và cộng đồng. Năm 2019, phụ nữ Việt Nam dành trung bình 20,2 giờ mỗi tuần cho các dịch vụ tự làm trong hộ gia đình, so với 10 giờ của nam giới. "Nghèo thời gian" hạn chế cơ hội học kỹ năng, kinh doanh số và đảm nhận vị trí quản lý; vì thế, chính sách có vẻ trung tính vẫn có thể tạo tác động khác nhau theo giới.11

Bình đẳng giới trong chuyển đổi số: Nhu cầu giới thực tế gồm thiết bị, đường truyền, kỹ năng sử dụng dịch vụ công, thanh toán hoặc bán hàng nằm trong nhu cầu thiết yếu của cả nam giới và phụ nữ; nhu cầu giới chiến lược hướng đến thay đổi vị thế, như quyền quyết định về tài sản, dữ liệu, thời gian, cơ hội học công nghệ và tham gia lãnh đạo của cả hai giới. Định kiến "phụ nữ kém công nghệ" có thể ảnh hưởng phân luồng giáo dục, tuyển dụng, thăng tiến và được mã hóa vào dữ liệu, thuật toán. Chính sách phải đồng thời xử lý rào cản hằng ngày và tạo điều kiện để phụ nữ dịch chuyển từ người sử dụng sang người sáng tạo, quản trị, lãnh đạo.

Lồng ghép giới trong chuyển đổi số là chiến lược đưa mối quan tâm, kinh nghiệm của phụ nữ và nam giới vào thiết kế, thực hiện, giám sát, đánh giá chính sách, nhằm bảo đảm thụ hưởng bình đẳng và không duy trì bất bình đẳng. Phân tích giới nhận diện khác biệt về phân công lao động, tiếp cận và kiểm soát nguồn lực, nhu cầu, rủi ro, tác động. Theo đó, mỗi nền tảng, cơ sở dữ liệu, dịch vụ công hoặc dự án trí tuệ nhân tạo của Thành phố cần được xem xét từ trước về người dùng, dữ liệu đại diện, nguy cơ phân biệt đối xử và cơ chế khắc phục.12

II. THỰC TIỄN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: KẾT QUẢ VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Cơ hội mới từ hạ tầng, nền tảng và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Lợi thế về hạ tầng, nhân lực, thị trường, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp công nghệ giúp Thành phố Hồ Chí Minh mở thêm kênh để phụ nữ tiếp cận dịch vụ công, học tập, chăm sóc sức khỏe, việc làm và thị trường. Tuy nhiên, lợi thế bình quân không đồng nghĩa với cơ hội số bình đẳng. Khoảng cách vẫn có thể tồn tại giữa địa bàn, nhóm tuổi, trình độ, tình trạng việc làm; phụ nữ nhập cư, khuyết tật, đơn thân hoặc có hoàn cảnh khó khăn có thể thiếu thiết bị, thời gian và năng lực tự bảo vệ. Vì vậy, kết nối phải được xem xét cùng chất lượng tiếp cận và khả năng thực hành.

---

[11] UN Women: Building Pathways to Gender Equality for the Business Sector through the Women's Empowerment Principles: Viet Nam Policy Brief, 2022, tr. 14; số liệu gốc: Tổng cục Thống kê, Điều tra Lao động - Việc làm năm 2019.

[12] United Nations Economic and Social Council: Agreed Conclusions 1997/2, "Mainstreaming the gender perspective into all policies and programmes in the United Nations system", phần định nghĩa lồng ghép giới.

Báo cáo đánh giá mức độ sẵn sàng về trí tuệ nhân tạo của Việt Nam cho biết tỷ lệ nữ trong số người tốt nghiệp các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học ở bậc đại học là 36,5% theo dữ liệu năm 2023.

Trên phạm vi quốc tế, phụ nữ chiếm 28,2% lực lượng lao động STEM, so với 47,3% trong các lĩnh vực ngoài STEM. Các số liệu tham chiếu cho thấy mở rộng người dùng nữ chưa đủ nếu phụ nữ ít hiện diện trong thiết kế hệ thống, nghiên cứu, quản lý công nghệ và ra quyết định.13

Vấn đề đặt ra: Những khoảng trống và rủi ro cần nhận diện đầy đủ

Khoảng cách giữa tiếp cận và làm chủ công nghệ đối với phụ nữ của Thành phố Hồ Chí Minh còn có những vấn đề đáng lưu ý:

- Sự hiện diện của phụ nữ ở khâu tạo lập công nghệ và lãnh đạo số chưa tương xứng. UNESCO ghi nhận trên phạm vi toàn cầu, phụ nữ chỉ đảm nhiệm khoảng 20% vị trí kỹ thuật tại các công ty lớn về học máy, chiếm 12% số nhà nghiên cứu trí tuệ nhân tạo và 6% nhà phát triển phần mềm chuyên nghiệp. **14;** tỷ lệ tương ứng trên ở Thành phố Hồ Chí Minh là thấp hơn, điều này cảnh báo nguy cơ phụ nữ là nhóm người dùng lớn nhưng ít tiếng nói trong thiết kế công nghệ.

- Hệ sinh thái nền tảng và năng lực tổ chức còn điểm chưa đồng bộ: dữ liệu phân tán, liên thông hạn chế; kỹ năng vận hành và ứng dụng trí tuệ nhân tạo chưa đều; nguồn lực bảo trì, an ninh thông tin còn hạn chế. Hoạt động vẫn thiên về số lượng người hoặc số lượt tiếp cận, thiếu chỉ số về khả năng tự thực hiện, duy trì sử dụng, thu nhập, thời gian tiết kiệm, mức giảm rủi ro hoặc thay đổi quyền quyết định. Vì thế, khoảng cách giới số cần được xử lý bằng tiếp cận hệ thống, kết hợp thể chế, năng lực, kinh tế, an toàn và trách nhiệm giải trình.

- Dữ liệu lịch sử và thuật toán phần nào có thể tái tạo sự bất bình đẳng trong tuyển dụng, tín dụng hoặc phân phối cơ hội tiếp cận việc làm, khả năng thăng tiến đối với phụ nữ. Việc thiếu dữ liệu phân tách khiến nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ và trẻ em gái dễ trở nên "vô hình" hơn so với nam giới. Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ cá thể hóa dịch vụ nhưng cũng có thể tạo nội dung sai, định kiến hoặc xâm phạm riêng tư nếu không có sự phối hợp tốt về tư pháp, công pháp từ các Chính phủ, các nhà mạng và thiếu quản trị thực hiện đầy đủ trách nhiệm.

- Một lượt tham dự, quét mã hoặc tương tác chưa chứng minh người dùng có thể độc lập hoàn thành thủ tục, bảo vệ tài khoản hay biến công cụ thành thu nhập. Thiếu sự hỗ trợ trực tiếp và dịch vụ trực tuyến; thiếu thiết bị, kỹ năng, thời gian và sự tự tin có thể tạo thêm rào cản, bất lợi về nhiều mặt cho phụ nữ cao tuổi, lao động nhập cư, người có học vấn phổ thông thấp hoặc không biết chữ, người có hoàn cảnh khó khăn…; những rủi ro cao về đường dẫn giả, chiếm đoạt mật khẩu, mã OTP, mạo danh, lừa đảo gây thiệt hại kinh tế dẫn đến việc phụ nữ và trẻ

[13] World Economic Forum: Global Gender Gap Report 2024, phần "Gender gaps skewing the technology transition", Geneva, 2024.

[14] UNESCO: "Artificial Intelligence: UNESCO launches Women4Ethical AI expert platform to advance gender equality", công bố ngày 28-4-2023, cập nhật ngày 22-2-2024, mục về mức độ đại diện của phụ nữ trong các vai trò kỹ thuật và nghiên cứu trí tuệ nhân tạo; truy cập ngày 1-9-2026.

em gái thường xuyên đối diện với sự quấy rối, bôi nhọ, phát tán hình ảnh riêng tư, theo dõi, tin giả (deepfake) và bạo lực trên cơ sở giới có sử dụng công nghệ; hậu quả là ảnh hưởng không nhỏ về tài sản, danh dự, sức khỏe tinh thần, việc làm và sự tham gia không gian công.

III. NHỮNG YÊU CẦU TRỌNG TÂM ĐỐI VỚI BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vai trò chủ thể của tổ chức Hội Liên hiệp phụ nữ và các mô hình chuyển đổi số gần dân

Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa chuyển đổi số vào quản lý, điều hành, tuyên truyền và hỗ trợ hội viên. Tài liệu thực tiễn của Hội ghi nhận 304 hoạt động truyền thông về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với 12.359 lượt người tham gia; 6 hội nghị về chính sách, pháp luật liên quan bình đẳng giới với 904 đại biểu; hoạt động truyền thông, tập huấn về giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới tiếp cận 70.160 lượt phụ nữ. Đây là số liệu về phạm vi huy động, tạo nền tảng để chuyển sang nâng cao chất lượng thực hành.15

Hội liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức các cuộc thi trực tuyến, thư viện điện tử, sách nói, mã QR, thực tế ảo 360 độ, hình ảnh 3D và tham quan trực tuyến mở rộng khả năng tiếp cận cho nữ công nhân, phụ nữ ở nhà trọ hoặc người khó đến thiết chế văn hóa. "Hành trình địa chỉ đỏ", "Không gian văn hóa Hồ Chí Minh trực tuyến" cho thấy công nghệ có thể truyền tải lịch sử, văn hóa và giá trị chính trị bằng hình thức mới.16. "Trợ lý AI - Bạn đồng hành của Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh", biểu mẫu trực tuyến phục vụ tư vấn, lấy ý kiến, giám sát, phản biện chính sách và hồ sơ sức khỏe điện tử kết nối ứng dụng Công dân số Thành phố là những thử nghiệm đáng chú ý. Giá trị của các mô hình cần được đánh giá bằng chất lượng giải quyết nhu cầu, bảo vệ dữ liệu và khả năng tiếp cận, không chỉ bằng lượt sử dụng. Mô hình "Chợ văn minh - Ứng dụng công nghệ số" tại chợ Trần Văn Quang, phường Bảy Hiền hướng dẫn tiểu thương sử dụng mã QR, dịch vụ công trực tuyến, eTax Mobile và nhận diện rủi ro. Kế hoạch đặt mục tiêu 100% tiểu thương được hướng dẫn về thanh toán QR và ít nhất 80% được cấp, sử dụng thường xuyên; đây là mục tiêu kế hoạch, chưa phải kết quả thực đạt. Sự phân biệt này cần thiết cho tính chính xác và trách nhiệm giải trình.17

Phương pháp "cầm tay chỉ việc và xử lý tâm lý "sợ làm sai, sợ mất tiền, sợ công nghệ". Tinh thần "không làm thay mà hướng dẫn để chị em tự làm được" của "Bình dân học vụ số" nhấn mạnh năng lực tự chủ, đưa hội viên trở thành "hạt

---

[15] Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh: "Chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn xây dựng các mô hình chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh", cập nhật ngày 28-8-2026. Các số liệu trong đoạn là số hoạt động, đại biểu hoặc lượt tiếp cận theo tài liệu, không mặc nhiên đồng nhất với số người duy nhất hay mức tăng năng lực số.

[16] Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh: Tài liệu đã dẫn, cập nhật ngày 28-8-2026, nội dung về thư viện điện tử, "Hành trình địa chỉ đỏ" và "Không gian văn hóa Hồ Chí Minh trực tuyến".

[17] Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Bảy Hiền: Báo cáo tham luận mô hình "Chợ văn minh - Ứng dụng công nghệ số" tại chợ Trần Văn Quang, 2026. Tỷ lệ 100% và 80% được nêu là mục tiêu của kế hoạch mô hình.

nhân lan tỏa chuyển đổi số". Kinh nghiệm này cần được nhân rộng cùng chuẩn năng lực, tài liệu đơn giản và hỗ trợ sau tập huấn.

Để đảm bảo thực hiện có hiệu quả các yêu cầu trên, Thành phố Hồ Chí Minh cần tập trung làm tốt các việc sau:

Một là, đặt bình đẳng giới thực chất thành nguyên tắc xuyên suốt trong quản trị chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật Bình đẳng giới cho phép áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới nhằm bảo đảm bình đẳng thực chất trong trường hợp có chênh lệch lớn giữa nam và nữ. Do đó, các chương trình học bổng, tuyển chọn, đào tạo, đặt hàng nghiên cứu, hỗ trợ doanh nghiệp hoặc chuẩn bị cán bộ có thể đặt mục tiêu phù hợp để tăng sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực còn thiếu hụt, trên cơ sở công khai, minh bạch và có thời hạn đánh giá, mục đích là tháo gỡ rào cản cấu trúc để năng lực được nhận diện và phát huy công bằng; tránh quan niệm cho rằng mọi biện pháp ưu tiên đều làm giảm tiêu chuẩn.18 Bình đẳng giới phải được tích hợp ngay từ khâu xác định vấn đề, xây dựng mục tiêu, lựa chọn công nghệ, phân bổ ngân sách, đấu thầu, triển khai, giám sát và đánh giá; không phải là hợp phần bổ sung sau khi hệ thống đã hình thành. Mỗi đề án về chính quyền số, đô thị thông minh, dữ liệu dùng chung, y tế, giáo dục, giao thông, an sinh xã hội, việc làm hoặc hỗ trợ doanh nghiệp cần phải thực hiện phân tích giới và đánh giá tác động giới; chỉ rõ là ai có thể tiếp cận, ai có thể sử dụng độc lập, ai chịu chi phí chuyển đổi, dữ liệu của ai được thu thập, ai được hưởng lợi và nhóm nào có nguy cơ bị loại trừ… Vì thế, Thành phố Hồ Chí Minh cần cụ thể hóa trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và người đứng đầu đối với mục tiêu giới trong chương trình chuyển đổi số; xây dựng tiêu chí bình đẳng giới trong thẩm định dự án công nghệ và mua sắm công. Ngân sách giới phải có trách nhiệm nhận diện phần nguồn lực dành cho đào tạo, thiết kế tiếp cận, hỗ trợ nhóm yếu thế, an toàn số, khảo sát người dùng và đánh giá độc lập, lấy ý kiến thực chất của phụ nữ thuộc nhiều nhóm ngay từ giai đoạn thử nghiệm, công bố cách tiếp thu và duy trì kênh phản hồi sau khi nền tảng vận hành.

Hai là, chuyển trọng tâm từ phổ cập tiếp cận sang làm chủ, sáng tạo và lãnh đạo trong không gian số.

Mục tiêu cao hơn của bình đẳng giới số là phụ nữ có quyền, có khả năng lựa chọn, sử dụng, tạo lập và quyết định đối với công nghệ. Thành phố Hồ Chí Minh cần xây dựng khung năng lực số theo các mức: Tiếp cận thiết bị và kết nối; thực hiện thao tác cơ bản; giao dịch, học tập và làm việc an toàn; tạo nội dung và kinh doanh; phân tích dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo; phát triển giải pháp và lãnh đạo chuyển đổi số. Khung này giúp phân loại đúng nhu cầu, tránh tổ chức cùng một chương trình cho mọi đối tượng và tạo lộ trình tiến bộ có thể đo lường:

[18] Quốc hội: Luật Bình đẳng giới, Luật số 73/2006/QH11, ngày 29-11-2006, khoản 6 Điều 5 và Điều 19.

- Đối với nữ sinh, cần phối hợp gia đình, nhà trường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học và doanh nghiệp để giảm định kiến trong lựa chọn ngành STEM; tổ chức trải nghiệm, cố vấn nghề nghiệp, học bổng, phòng thí nghiệm, cuộc thi và mạng lưới nữ chuyên gia. Cần chú ý những thời điểm nữ sinh có thể rời khỏi việc làm liên quan đến công nghệ như chuyển cấp, chuyển ngành, tốt nghiệp, sinh con, quay lại thị trường lao động phổ thông hoặc chuyển sang quản lý… Chương trình không chỉ khuyến khích "học công nghệ" mà phải tạo cơ hội thực tập, việc làm, nghiên cứu, sở hữu trí tuệ, gọi vốn và thăng tiến.

- Đối với đội ngũ cán bộ nữ và cán bộ Hội, bồi dưỡng phải gắn với nhiệm vụ thực tế: quản trị dữ liệu hội viên, thiết kế chiến dịch truyền thông số, phân tích phản hồi, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sử dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm chứng, tổ chức tham vấn trực tuyến và giám sát chính sách. Việc đánh giá không chỉ qua chứng chỉ mà bằng sản phẩm và năng lực giải quyết vấn đề. Cần xây dựng đội ngũ nhân sự nòng cốt ở cơ sở có thể hỗ trợ đồng nghiệp, cập nhật công nghệ và chuyển giao kỹ năng; đồng thời tạo điều kiện để cán bộ nữ tham gia các ban chỉ đạo, nhóm chuyên gia, hội đồng thẩm định liên quan đến chuyển đổi số.

Ba là, phổ cập năng lực số bao trùm, phân nhóm đối tượng và lấy khả năng tự thực hiện làm thước đo

Phong trào "Bình dân học vụ số" và phương pháp "cầm tay chỉ việc" cần được chuẩn hóa thành mô hình có thể nhân rộng. Mỗi mô-đun nên xoay quanh một nhiệm vụ cụ thể, có hướng dẫn trực quan, tình huống rủi ro, thực hành tại chỗ và kiểm tra khả năng tự làm. Học viên phải được thử trong môi trường an toàn, biết cách dừng giao dịch, xác minh thông tin và yêu cầu trợ giúp. Mạng lưới "hạt nhân số" ở tổ dân phố, khu nhà trọ, chợ, khu công nghiệp cần có tiêu chuẩn tối thiểu, cập nhật định kỳ và quy tắc bảo mật; không để việc hỗ trợ biến thành làm thay hoặc thu thập tùy tiện mật khẩu, mã OTP và dữ liệu cá nhân. Đánh giá phổ cập cần chuyển từ "đã tuyên truyền", "đã tham dự" sang "đã tự thực hiện". Chỉ số có thể gồm tỷ lệ người hoàn thành độc lập một dịch vụ; tỷ lệ duy trì sử dụng sau ba hoặc sáu tháng; khả năng bảo mật, nhận diện lừa đảo; tỷ lệ khôi phục tài khoản đúng cách; thời gian, chi phí tiết kiệm; mức độ hài lòng và tự tin. Số liệu phải phân tách theo giới kết hợp với tuổi, địa bàn, tình trạng cư trú, người khuyết tật, việc làm và mức sống… Cách đánh giá này giúp phát hiện nhóm bị bỏ sót để điều chỉnh việc tổ chức thực hiện và nội dung phổ cập đúng chỗ.

Phổ cập kỹ năng số phải bám sát đặc điểm của từng nhóm phụ nữ: Người cao tuổi cần thao tác chậm, giao diện rõ, tài liệu chữ lớn, luyện tập lặp lại và kênh hỗ trợ trực tiếp; nữ công nhân, lao động nhập cư cần chương trình ngắn, linh hoạt theo ca làm, thực hành trên thiết bị đang có và gắn với nhu cầu thiết thân như khám bệnh, học cho con, nhà ở, bảo hiểm, tìm việc, chuyển tiền; phụ nữ khuyết tật cần nền tảng tương thích công nghệ hỗ trợ, phụ đề, mô tả âm thanh, điều hướng bằng bàn phím và điểm hỗ trợ tiếp cận; phụ nữ kinh doanh nhỏ cần nội dung về thanh toán, hóa đơn, thuế, bán hàng, quản lý tài chính và an toàn giao dịch…

Bốn là, gắn chuyển đổi số với quyền năng kinh tế của phụ nữ và sự phân bổ công bằng công việc chăm sóc.

Chuyển đổi số chỉ có thể góp phần tốt hơn, hiệu quả hơn cho việc thực hiện bình đẳng giới khi tạo ra việc làm ổn định thường xuyên; thu nhập bền vững, cơ bản đáp ứng các nhu cầu thiết yếu cho sinh hoạt gia đình theo quy định về chuẩn thoát nghèo của Chính phủ và từng địa phương; nâng cao năng lực kiểm soát tài chính và tạo cơ hội phát triển hay chuyển đổi nghề nghiệp cho phụ nữ: Hỗ trợ bán hàng trực tuyến nhất thiết phải đi cùng truyền đạt, bồi dưỡng kiến thức về mô hình kinh doanh, chất lượng sản phẩm, logistics, thuế, hợp đồng, quyền người tiêu dùng, quản trị dòng tiền và bảo hiểm xã hội… Đối với hộ kinh doanh ở chợ truyền thống, mã QR chỉ là bước đầu; giá trị dài hạn nằm ở khả năng quản lý doanh thu, tiếp cận tín dụng phù hợp, xây dựng uy tín số và kết nối chuỗi cung ứng, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm... Dự báo chính xác để nhận diện rủi ro, phân tầng nghề nghiệp do tự động hóa vì phần lớn phụ nữ tập trung ở một số công việc hành chính, dịch vụ, bán lẻ, gia công hoặc lao động lặp lại có thể chịu tác động lớn khi trí tuệ nhân tạo và robot được ứng dụng. Định hướng đào tạo, đào tạo lại hoặc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức kỹ năng theo ngành phải có phân tích giới, phải được tổ chức trước khi việc làm mất đi trong khoảng thời gian cần thiết đủ để người lao động nói chung và phụ nữ nói riêng kịp chuyển đổi mô hình, cách thức để tiếp cận mô hình sản xuất, kinh doanh, việc làm mới; hỗ trợ học phí, tài chính, thuế và kết nối tuyển dụng; không nên chỉ dạy thao tác với một phần mềm dễ lỗi thời, mà phải hình thành năng lực nền tảng: học suốt đời, tư duy dữ liệu, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sáng tạo và thích ứng.

Mặt khác, số hóa có thể làm mờ ranh giới giữa việc làm và gia đình, làm tăng lao động trực tuyến không được trả công hoặc kỳ vọng phụ nữ luôn sẵn sàng. Chính sách của cơ quan, doanh nghiệp cần quan tâm quyền nghỉ ngơi, giờ làm linh hoạt có kiểm soát, chống quấy rối trực tuyến và đánh giá dựa trên kết quả thay vì hiện diện liên tục. Các dịch vụ chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; chế độ nghỉ chăm sóc và khuyến khích nam giới chia sẻ việc nhà là hạ tầng xã hội thiết yếu cho bình đẳng số. Công nghệ có thể tiết kiệm thời gian, nhưng không thể thay thế trách nhiệm phân bổ lại công việc chăm sóc giữa gia đình, Nhà nước, thị trường và cộng đồng.

Năm là, bảo đảm an toàn số, quyền riêng tư và khả năng tiếp cận công lý cho phụ nữ, trẻ em gái.

An toàn số phải trở thành một cấu phần bắt buộc trong mọi chương trình phổ cập, hỗ trợ kinh tế và dịch vụ công dành cho phụ nữ. Nội dung tối thiểu gồm quản lý mật khẩu, xác thực nhiều lớp, bảo vệ mã OTP, kiểm tra đường dẫn và tài khoản, cài đặt quyền riêng tư, sao lưu dữ liệu, nhận diện thao túng tâm lý và quy trình xử lý khi bị lừa đảo. Tình huống đào tạo cần sát với thực tế đã thực sự xảy ra và dự báo kịp thời những tình huống có thể xảy ra ở tương lai gần trong đời sống như mạo danh cán bộ, người thân; tuyển dụng giả; vay trực tuyến; đầu tư lợi

nhuận cao; giả giọng nói, cắt ghép hay giả mạo hình ảnh; yêu cầu cài ứng dụng lạ hoặc chia sẻ màn hình…

Đối với bạo lực trên cơ sở giới có sử dụng công nghệ, cần thiết lập quy trình liên ngành giữa cơ quan công an, tư pháp, thông tin và truyền thông, y tế, trợ giúp xã hội, tổ chức Hội và nền tảng. Nạn nhân cần biết nơi tiếp nhận, cách lưu chứng cứ, yêu cầu gỡ nội dung, khóa tài khoản, bảo vệ khẩn cấp và nhận tư vấn tâm lý, pháp lý. Cán bộ tiếp nhận phải tránh đổ lỗi, bảo đảm bí mật và hiểu đặc điểm của bằng chứng điện tử. Cần chú ý người nổi tiếng, nhà báo, cán bộ nữ, nữ doanh nhân, người hoạt động cộng đồng và trẻ em gái là những nhóm có thể đối diện tấn công phối hợp, bôi nhọ hoặc đe dọa nhằm buộc họ rút khỏi không gian công.

Quản trị dữ liệu cá nhân phải tuân thủ nguyên tắc thu thập tối thiểu, đúng mục đích, có căn cứ, bảo mật và giới hạn thời gian lưu giữ. Các ứng dụng của tổ chức Hội liên quan hồ sơ hội viên, sức khỏe, hoàn cảnh, nhu cầu trợ giúp hoặc phản ánh bạo lực chứa dữ liệu nhạy cảm; phải phân quyền truy cập, ghi nhật ký, mã hóa, đánh giá rủi ro và có kế hoạch ứng phó sự cố. Khi sử dụng nền tảng của bên thứ ba hoặc trí tuệ nhân tạo, không đưa thông tin nhận dạng, hồ sơ chưa công khai hay nội dung nhạy cảm vào hệ thống nếu chưa có cơ chế bảo vệ phù hợp.

Sáu là, kiểm soát thiên lệch giới trong dữ liệu, thuật toán và phát triển trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm.

Dữ liệu là đầu vào của quản trị và trí tuệ nhân tạo; dữ liệu thiếu đại diện sẽ dẫn đến quyết định thiếu công bằng. Thành phố Hồ Chí Minh cần rà soát những tập dữ liệu sử dụng trong dịch vụ công, an sinh, lao động, y tế, giáo dục, tín dụng và hỗ trợ doanh nghiệp để xác định mức độ đại diện của phụ nữ và các nhóm giao thoa. Dữ liệu phân tách theo giới phải đi kèm chuẩn chất lượng, bảo vệ riêng tư và mục đích sử dụng rõ; không biến yêu cầu có thêm dữ liệu thành việc giám sát quá mức những nhóm yếu thế.

Các hệ thống có khả năng tác động đáng kể đến quyền và cơ hội của người dân cần được đánh giá rủi ro thuật toán trước và trong khi sử dụng. Kiểm định phải xem xét chênh lệch kết quả giữa phụ nữ và nam giới, giữa các nhóm tuổi, khuyết tật, việc làm, cư trú; xác định nguyên nhân từ dữ liệu, biến đại diện, tiêu chí tối ưu hoặc cách con người sử dụng kết quả. Với hệ thống tuyển dụng, chấm điểm, phân loại ưu tiên hoặc phát hiện gian lận, phải duy trì giám sát của con người, quyền được giải thích ở mức phù hợp, quyền yêu cầu xem xét lại và cơ chế sửa sai.

Đối với "Trợ lý AI - Bạn đồng hành của Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh", yêu cầu đặt ra là xác định rõ phạm vi tư vấn; cảnh báo khi câu trả lời không thay thế ý kiến chuyên môn; dẫn nguồn chính thức; ngăn việc tạo nội dung định kiến, kỳ thị hoặc hướng dẫn nguy hiểm; chuyển tiếp tới cán bộ khi có dấu hiệu bạo lực, khủng hoảng hay yêu cầu pháp lý phức tạp. Hiệu quả cần được đo bằng độ chính xác, tính hữu ích, mức độ hài lòng, tỷ lệ giải quyết nhu cầu và số sự cố được khắc

phục, không chỉ bằng lượt truy cập. Đây có thể trở thành mô hình trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm nếu lấy quyền, sự an toàn và tiếng nói của phụ nữ làm trung tâm.

Bảy là, hoàn thiện hệ sinh thái số của tổ chức Hội, cơ chế phối hợp và hệ thống theo dõi, đánh giá dựa trên bằng chứng.

Chuyển đổi số vì bình đẳng giới là nhiệm vụ liên ngành. Cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thể chế, dữ liệu, hạ tầng và dịch vụ; tổ chức Hội nắm nhu cầu, huy động và giám sát; trường đại học, viện nghiên cứu cung cấp tri thức và đánh giá; doanh nghiệp cung cấp công nghệ, thị trường và vị trí việc làm; tổ chức xã hội hỗ trợ nhóm dễ bị tổn thương. Cơ chế phối hợp cần xác định đầu mối, sản phẩm, thời hạn, dữ liệu chia sẻ, trách nhiệm bảo mật và nguồn lực. Hợp tác phải hướng tới năng lực bền vững của Thành phố và tổ chức Hội, tránh phụ thuộc hoàn toàn vào giải pháp tặng thử nghiệm hoặc cá nhân vận hành.

Hội Liên hiệp Phụ nữ chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan như Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Liên Đoàn lao động Thành phố, Thành Đoàn…để xây dựng bộ chỉ số bình đẳng giới trong chuyển đổi số theo chuỗi đầu vào - hoạt động - đầu ra - kết quả - tác động của Thành phố Hồ Chí Minh. Đầu vào gồm ngân sách, nhân lực, thiết bị; đầu ra gồm số người được hướng dẫn, số mô hình và dịch vụ; kết quả gồm tỷ lệ tự sử dụng, mức duy trì, việc làm, doanh thu, thời gian tiết kiệm, mức độ an toàn; tác động gồm thu hẹp khoảng cách thu nhập, tăng quyền quyết định, tăng tỷ lệ phụ nữ trong STEM, quản lý công nghệ và lãnh đạo. Mọi chỉ số phải có đường cơ sở, mục tiêu, thời hạn, nguồn dữ liệu và chủ thể chịu trách nhiệm.

Việc thu thập dữ liệu cần tuân thủ nguyên tắc không gây hại và tránh gánh nặng báo cáo. Có thể kết hợp dữ liệu hành chính với khảo sát người dùng, phỏng vấn sâu, kiểm thử thao tác và đánh giá độc lập. Các con số như 12.359 lượt người tham gia hay 70.160 lượt phụ nữ được tiếp cận rất có ý nghĩa đối với phạm vi hoạt động, nhưng không nên được dùng thay cho bằng chứng về mức tăng năng lực hoặc thay đổi vị thế. Cần công bố rõ đây là số lượt, số người duy nhất hay số tài khoản; phân biệt mục tiêu kế hoạch với kết quả thực hiện; phân tích người chưa tham gia và nguyên nhân rời bỏ.

KẾT LUẬN

Chuyển đổi số không tự động tạo ra bình đẳng giới, nhưng cũng không tất yếu làm gia tăng bất bình đẳng. Kết quả phụ thuộc vào cách thể chế, công nghệ và chính sách được thiết kế, tổ chức thực hiện và giám sát. Trong xã hội số, nếu thiếu góc nhìn giới, công nghệ có thể khuếch đại những chênh lệch sẵn có; ngược lại, nếu bình đẳng giới được lồng ghép ngay từ đầu, chuyển đổi số sẽ mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức, thị trường và mạng lưới nghề nghiệp, đồng thời nâng cao tiếng nói, vị thế và năng lực làm chủ công nghệ của phụ nữ.

Khoảng cách về kỹ năng, thời gian, thu nhập, an toàn, vị trí trong ngành công nghệ và quyền quyết định có thể tiếp tục tồn tại; dữ liệu, thuật toán và trí tuệ nhân tạo có thể tái tạo định kiến dưới hình thức mới. Vì vậy, yêu cầu cốt lõi là

chuyển từ tư duy "đưa phụ nữ lên môi trường số" sang bảo đảm phụ nữ có năng lực, nguồn lực, an toàn và quyền lực để làm chủ môi trường số.

Thực hiện đồng bộ bảy yêu cầu nêu trên sẽ tạo cơ sở để Thành phố Hồ Chí Minh lồng ghép bình đẳng giới vào toàn bộ chu trình quản trị số; chuyển mạnh từ thống kê tiếp cận sang đo lường năng lực và tác động; kết hợp đổi mới công nghệ với đổi mới thể chế, phân bổ nguồn lực và chuẩn mực xã hội. Qua đó, chuyển đổi số không chỉ nâng cao hiệu quả quản trị và sức cạnh tranh, mà còn góp phần hiện thực hóa quyền bình đẳng, khơi dậy tiềm năng, trí tuệ, sức sáng tạo của phụ nữ, xây dựng Thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, phát triển nhanh, bền vững và bao trùm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị: Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27-4-2007, "Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".
2. Bộ Chính trị: Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22-12-2024, "Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia".
3. Chính phủ: Nghị quyết số 28/NQ-CP, ngày 3-3-2021, ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, t. I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026.
5. C. Mác và Ph. Ăng-ghen: Toàn tập, t. 21, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
6. V.I. Lê-nin: Toàn tập, t. 40, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.
7. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t. 12, t. 15, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
8. Quốc hội: Luật Bình đẳng giới, Luật số 73/2006/QH11, ngày 29-11-2006.
9. Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc: Agreed Conclusions 1997/2 về lồng ghép quan điểm giới vào tất cả chính sách và chương trình trong hệ thống Liên hợp quốc, 1997.
10. Liên hợp quốc: Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW), 1979; United Nations Treaty Collection, tình trạng tham gia của Việt Nam.
11. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình Giới trong lãnh đạo, quản lý, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2021.
12. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: Nghị quyết số 02/NQ-BCH, ngày 18-6-2026, Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031.
13. Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh: "Chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn xây dựng các mô hình chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh", cập nhật ngày 28-8-2026.
14. Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Bình Tiên: Báo cáo tham luận về thực trạng và hỗ trợ phụ nữ tham gia chuyển đổi số, ngày 27-8-2026.
15. Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Bảy Hiền: Báo cáo tham luận mô hình "Chợ văn minh - Ứng dụng công nghệ số" tại chợ Trần Văn Quang, 2026.
16. UNESCO: Báo cáo đánh giá mức độ sẵn sàng về trí tuệ nhân tạo của Việt Nam, Paris, 2025.
17. World Economic Forum: Global Gender Gap Report 2024, Geneva, 2024.
18. UN Women: Viet Nam Women's Economic Empowerment Policy Roadmap - Country Action Brief, 2022.